|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT BẮC NINH**TRƯỜNG THPT HÀM LONG**Số: 83/BC-THPTHL | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***TP. Bắc Ninh, ngày 05 tháng 5 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng kỳ thi**

**tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023**

**I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ**

**1. Về đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn thi tốt nghiệp THPT**

Đội ngũ giáo viên của trường ít, trình độ chuyên môn giữa các giáo viên không đồng đều nên việc phân công giáo viên giảng dạy các môn thi tốt nghiệp THPT gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, nhà trường đã chọn lọc và phân công các giáo viên có trình độ chuyên môn tốt nhất, nhiều kinh nghiệm để giảng dạy các môn thi tốt nghiệp THPT cho khối 12 năm học 2022-2023 theo nhóm môn học như sau:

| **TT** | **Họ và tên** | **Môn** | **Trình độ CM** | **Lớp dạy** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hạ Thế Hùng | Toán | Th.Sỹ | 12H2,6 |
| 2 | Nguyễn Đình Huy | Toán | Th.Sỹ | 12H1 |
| 3 | Hoàng Văn Tứ | Toán | Đại học | 12H3 |
| 4 | Hoàng Thị Hậu | Toán | Th. Sỹ | 12H4,5 |
| 5 | Nguyễn Thị Huệ | Ngữ văn | Đại học | 12H4 |
| 6 | Trần Thị Hải Vân | Ngữ văn | Th.Sỹ | 12H3 |
| 7 | Nguyễn Thành Đô | Ngữ văn | Đại học | 12H2,5 |
| 8 | Nguyễn Thị Yến | Ngữ văn | Th.Sỹ | 12H1,6 |
| 9 | Đỗ Thị Thùy Trang | Tiếng anh | Th.Sỹ | 12H3,4 |
| 10 | Nguyễn Mai Phương | Tiếng anh | Đại học | 12H1,2,5 |
| 11 | Đỗ Thị Hà | Tiếng anh | Th.Sỹ | 12H6 |
| 12 | Mai Á Ky | Vật lý | Th.Sỹ | 12H1 |
| 13 | Dương Thúy Quỳnh | Hóa học | Th.Sỹ | 12H1 |
| 14 | Nguyễn Thị Quý | Địa lí | Th. Sỹ | 12H2,3,4,5,6 |
| 15 | Đoàn Thị Hằng | Lịch sử | Th. Sỹ | 12H2,3,4,6 |
| 16 | Trần Quang Minh | Lịch sử | Đại học | 12H5 |
| 17 | Nguyễn Thị Viết | GDCD | Th. Sỹ | 12H2,3,4,5 |
| 18 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | GDCD | Th.Sỹ | 12H6 |
| 19 | Nguyễn Thị Duyên | Sinh học | Đại học | 12H1 |

**2. Về học sinh lớp 12**

- Số dự bài thi Toán: 246;

- Số dự bài thi Ngữ văn: 246;

- Số dự bài thi Ngoại ngữ: 246;

- Số dự bài thi KHTN: 40;

- Số dự bài thi KHXH: 206.

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG VĂN SỐ 1385/SGDĐT-GDTrH&GDTX**

**1. Giải pháp 1: Xây dựng chương trình, kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh**

- Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục theo các văn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với khung kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023.

- Xây dựng kế hoạch ôn tập phù hợp với từng nhóm đối tượng; kế hoạch kiểm tra, đánh giá, phân loại các nhóm học sinh.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch của các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên, căn cứ kết quả thực hiện làm tiêu chí đánh giá thi đua.

**2. Giải pháp 2: Đổi mới kiểm tra, đánh giá**

- Cử cán bộ, giáo viên tham gia đầy đủ, nghiêm túc các lớp tập huấn cấp tỉnh về đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh; tập huấn về xây dựng ngân hàng đề thi.

- Dựa theo ma trận, cấu trúc đề thi của Bộ GDĐT, các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề bám sát cấu trúc.

- Dựa trên kết quả kiểm tra định kỳ, tập huấn, thi thử của Sở GDĐT, tiến hành tổng hợp, đánh giá, đối sánh để kịp thời điều chỉnh kế hoạch dạy học đảm bảo bám sát đối tượng và đánh giá đúng năng lực của học sinh giảm độ chệnh lệch về điểm thi.

- Tăng cường phối hợp thi thử theo cụm.

**3. Giải pháp 3: Phân loại, tổ chức dạy và học theo năng lực và nguyện vọng của học sinh**

- Thông qua kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, qua khảo sát, thi thử để phân loại đối tượng học sinh. Tổ chức các lớp ôn tập phù hợp cho học sinh theo từng nhóm năng lực, nguyện vọng bài thi tự chọn (KHTN và KHXH) và 3 môn bắt buộc.

- Ưu tiên, sắp xếp đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ giỏi để dạy học và ôn tập cho học sinh lớp 12.

**4. Giải pháp 4: Nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn**

- Duy trì sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn 2 lần/tuần theo hướng nghiên cứu bài học.

- Tích cực và đổi mới việc sinh hoạt tổ chuyên môn theo trường và cụm trường bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Khuyến khích, động viên các giáo viên giàu kinh nghiệm giảng dạy trong việc:

+ Xây dựng hệ thống chuyên đề ôn tập phù hợp từng nhóm đối tượng (nhóm khá giỏi, nhóm trung bình và nhóm yếu) để triển khai thực hiện chung trong toàn trường.

+ Tham gia dự giờ, hỗ trợ đồng nghiệp.

**5. Giải pháp 5: Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo**

- Tích cực kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch ôn tập. Thường xuyên cho các tổ/nhóm chuyên môn dự giờ ôn tập để rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời nội dung sao cho phù hợp từng nhóm đối tượng.

- Động viên các giáo viên cốt cán, giàu kinh nghiệm tham gia giúp đỡ, tháo gỡ những khó khăn cho các giáo viên ít kinh nghiệm nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong việc dạy học, ôn tập và thi.

**6. Giải pháp 6: Công tác thi đua, khen thưởng**

Lấy kết quả thực hiện của các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên làm căn cứ đánh giá thi đua, dựa theo các tiêu chí: Điểm trung bình các bài thi, tỉ lệ tốt nghiệp, độ chênh lệch giữa điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh và điểm trung bình các bài thi; động viên khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân và tập thể đạt thành tích cao.

**III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT KHẢO SÁT**

**1. Kết quả chung toàn trường**

| **Môn** | **Điểm TB thi TN THPT toàn quốc năm 2022** | **Khảo sát đợt 1****(tháng 01/2023)** | **Khảo sát đợt 2(tháng 3/2023)** | **Khảo sát đợt 3****(tháng 4/2023)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm TB** | **Chênh lệch so với điểm TB toàn quốc năm 2022** | **Điểm TB** | **Chênh lệch so với điểm TB toàn quốc năm 2022** | **Điểm TB** | **Chênh lệch so với điểm TB toàn quốc năm 2022** |
| Toán | 6.47 | 5.82 | -0.65 | 5.70 | -0.77 | 6.87 | 0.40 |
| Ngữ văn | 6.51 | 5.82 | -0.69 | 5.83 | -0.68 | 6.10 | -0.41 |
| Tiếng Anh | 5.15 | 4.36 | -0.79 | 4.32 | -0.83 | 6.84 | 1.69 |
| Vật lí | 6.72 | 6.26 | -0.46 | 7.18 | 0.46 | 8.43 | 1.71 |
| Hóa học | 6.70 | 7.61 | 0.91 | 7.48 | 0.78 | 8.48 | 1.78 |
| Sinh học | 5.02 | 5.61 | 0.59 | 5.39 | 0.37 | 7.48 | 2.46 |
| Lịch sử | 6.34 | 5.71 | -0.63 | 5.87 | -0.47 | 7.51 | 1.17 |
| Địa lí | 6.68 | 7.80 | 1.12 | 7.83 | 1.15 | 7.87 | 1.19 |
| GDCD | 8.03 | 6.00 | -2.03 | 6.05 | -1.98 | 8.13 | 0.10 |
| **TB 9 môn** | **6.40** | **6.11** | **-0.29** | **6.18** | **-0.22** | **7.52** | **1.12** |

**2. Kết quả từng môn học**

**2.1. Môn Toán**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H1 | 40 | Nguyễn Đình Huy | 7.29 | 7.01 | 8.24 |
| 12H2 | 44 | Hạ Thế Hùng | 7.14 | 7.19 | 7.35 |
| 12H3 | 38 | Hoàng Văn Tứ | 4.09 | 4.15 | 5.74 |
| 12H4 | 41 | Hoàng Thị Hậu | 5.21 | 5.42 | 6.65 |
| 12H5 | 42 | Hoàng Thị Hậu | 5.96 | 5.52 | 7.04 |
| 12H6 | 41 | Hạ Thế Hùng | 5.02 | 4.74 | 6.15 |

**2.2. Môn Ngữ văn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H1 | 40 | Nguyễn Thị Yến | 4.99 | 6.20 | 5.90 |
| 12H2 | 44 | Nguyễn Thành Đô | 7.81 | 7.82 | 7.20 |
| 12H3 | 38 | Trần Thị Hải Vân | 4.91 | 4.73 | 5.42 |
| 12H4 | 41 | Nguyễn Thị Huệ | 5.45 | 5.06 | 5.85 |
| 12H5 | 42 | Nguyễn Thành Đô | 6.02 | 5.82 | 6.30 |
| 12H6 | 41 | Nguyễn Thị Yến | 5.48 | 5.18 | 5.84 |

**2.3. Môn Tiếng Anh**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H1 | 40 | Nguyễn Mai Phương | 5.43 | 5.82 | 8.46 |
| 12H2 | 44 | Nguyễn Mai Phương | 6.75 | 5.07 | 8.69 |
| 12H3 | 38 | Đỗ Thị Thùy Trang | 3.02 | 3.41 | 5.45 |
| 12H4 | 41 | Đỗ Thị Thùy Trang  | 3.38 | 3.76 | 5.88 |
| 12H5 | 42 | Nguyễn Mai Phương | 3.80 | 3.85 | 6.64 |
| 12H6 | 41 | Đỗ Thị Hà | 3.51 | 3.98 | 5.80 |

**2.4. Môn Vật lí**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H1 | 40 | Mai Á Ky | 6.26 | 7.18 | 8.43 |

**2.5. Môn Hóa học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H1 | 40 | Dương Thúy Quỳnh | 7.61 | 7.48 | 8.48 |

**2.6. Môn Sinh học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H1 | 40 | Nguyễn Thị Duyên | 5.61 | 5.39 | 7.54 |

**2.7. Môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H2 | 44 | Đoàn Thị Hằng | 6.28 | 6.27 | 7.81 |
| 12H3 | 38 | Đoàn Thị Hằng | 5.17 | 5.18 | 6.93 |
| 12H4 | 41 | Đoàn Thị Hằng | 5.96 | 6.23 | 7.54 |
| 12H5 | 42 | Trần Quang Minh | 5.30 | 5.74 | 7.35 |
| 12H6 | 41 | Đoàn Thị Hằng | 5.77 | 5.87 | 7.85 |

**2.8. Môn Địa lí**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H2 | 44 | Nguyễn Thị Quý | 8.17 | 7.90 | 7.97 |
| 12H3 | 38 | Nguyễn Thị Quý | 7.34 | 7.59 | 7.81 |
| 12H4 | 41 | Nguyễn Thị Quý | 7.59 | 8.00 | 7.85 |
| 12H5 | 42 | Nguyễn Thị Quý | 8.12 | 8.01 | 7.83 |
| 12H6 | 41 | Nguyễn Thị Quý | 7.70 | 7.62 | 7.89 |

**2.9. Môn GDCD**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số học sinh thi TN THPT năm 2023** | **Giáo viên dạy** | **Điểm TB khảo sát đợt 1** | **Điểm TB khảo sát đợt 2** | **Điểm TB khảo sát đợt 3** |
| 12H2 | 44 | Nguyễn Thị Viết | 6.53 | 6.68 | 8.56 |
| 12H3 | 38 | Nguyễn Thị Viết | 5.61 | 5.68 | 7.88 |
| 12H4 | 41 | Nguyễn Thị Viết | 5.84 | 6.15 | 8.16 |
| 12H5 | 42 | Nguyễn Thị Viết | 6.29 | 6.45 | 8.41 |
| 12H6 | 41 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | 5.67 | 5.18 | 7.60 |

**IV. CHỈ TIÊU, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**

**1. Chỉ tiêu**

| **Môn** | **Năm 2022** | **Chỉ tiêu Năm 2023** |
| --- | --- | --- |
| **Điểm TB** | **Xếp thứ** | **Điểm TB** | **Xếp thứ** |
| Toán | 7,00 | 20 | 7,10 | 19 |
| Ngữ văn | 7,01 | 23 | 7,10 | 17 |
| Vật lí | 7,66 | 9 | 7,80 | 7 |
| Hóa học | 7,84 | 3 | 7,90 | 2 |
| Sinh học | 4,29 | 30 | 4,80 | 20 |
| Lịch sử | 7,49 | 4 | 7,60 | 3 |
| Địa lí | 8,09 | 2 | 8,20 | 2 |
| GDCD | 8,76 | 4 | 8,90 | 3 |
| Tiếng Anh | 5,12 | 19 | 5,50 | 15 |
| **Toàn trường** | **7,03** | **12** | **7,20** | **10** |

**2. Giải pháp chính**

***2.1. Đối với nhà trường***

- Sắp xếp đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ giỏi để dạy học và ôn tập cho học sinh lớp 12.

- Tiến hành đánh giá và phân loại đối tượng học sinh; Lựa chọn kiến thức và xây dựng phân phối chương trình phù hợp với đa số đối tượng học sinh (hoặc có thể xây dựng chương trình ôn thi và lượng kiến thức phù hợp với từng loại đối tượng sau khi đã tiến hành phân loại), việc lựa chọn kiến thức và xây dựng chương trình được sự thống nhất của cả nhóm ôn thi, giảng dạy.

- Tổ chức các lớp ôn tập phù hợp cho học sinh theo từng nhóm năng lực, nguyện vọng.

- Dựa trên kết quả kiểm tra định kỳ, tập huấn, khảo sát, các đơn vị tiến hành tổng hợp, đánh giá, đối sánh để phân loại, tổ chức dạy và học theo năng lực và nguyện vọng của học sinh.

- Tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề bám sát cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT để học sinh có thể tự ôn tập.

- Lấy kết quả thi tốt nghiệp THPT làm căn cứ đánh giá thi đua cán bộ quản lý, tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn; động viên khen thưởng kịp thời đối với các cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh.

***2.2. Đối với các môn thi tốt nghiệp THPT***

**a) Môn Toán**

Chú trọng bài hàm số có nhiều câu dễ kiếm điểm khi biết sử dụng máy tính (Mặc dù ở trong các thời điểm không tiến hành ôn thi phần này xong trong phần chuyển giao nhiệm vụ vẫn có bài tập phần này). Lưu ý đặc biệt học sinh cách tính đạo hàm vì liên quan tới hầu hết các bài toán (có thể sử dụng máy tính cầm tay), cách tính giới hạn của hàm số. Nếu với đối tượng học sinh quá yếu có thể chia bài thành các phần khác nhau để dạy (nhược điểm: mất nhiều thời gian).

 Dạy kĩ phần số phức, đây là phần dễ kiếm điểm. (Chú ý giải pt bậc nhất với hệ số phức (thường liên quan đến phép chia số phức, phương trình bậc hai với hệ số thực)

Lưu ý cho học sinh cách sử dụng máy tính cầm tay để giải phương trình, tính tích phân (cần hướng dẫn cụ thể học sinh cách viết qui trình bấm phím, chỉ rõ loại máy sử dụng), vì đa số bài toán tích phân trong đề thi đều có thể giải được bằng máy cầm tay và sau khi hướng dẫn học sinh đều có thể giải được.

**b) Môn Ngữ văn**

Cho học sinh thấy Văn học cần thiết và tiện ích cho học sinh khi chuẩn bị hành trang vào đời. Văn học sẽ làm đẹp nhân cách và cuộc sống hơn. Giá trị của văn học là thiết thực và luôn luôn tồn tại trong cuộc sống. Định hướng nghề nghiệp cho học sinh với các ngành xã hội đang cần,  thi khối C, D để tránh việc học sinh đặt nặng vào các môn tự nhiên mà bỏ rơi các môn xã hội, đặc biệt là bộ môn ngữ văn. Việc học tập của học sinh phụ thuộc khá nhiều vào cảm xúc của cá nhân nhà sư phạm, chúng ta cần tránh vì tâm trạng cá nhân mà ảnh hưởng đến giờ lên lớp. Học sinh chỉ yêu thích bộ môn đó một khi các em thật sự yêu thích người thầy đó.

**c) Môn Tiếng Anh**

Triển khai soạn bộ ngân hàng đề thi bám sát đề minh họa của Bộ; với học sinh yếu kém chú trọng dạy các dấu hiệu nhận biết khi làm các câu nhận biết, thông hiểu và vận dụng thấp. Đối với học sinh yếu, trung bình thì dạy củng cố kiến thức cơ bản là. Khi luyện đề nên chọn đề phù hợp với đối tượng học sinh và mục tiêu đạt điểm của học sinh. Xoáy sâu kiến thức cơ bản trong mỗi đề luyện.

Đối với học sinh khá, giỏi có kiến thức nền tốt thì tăng cường luyện đề và đặc biệt củng cố vốn từ vựng, nâng cao kĩ năng đọc hiểu để đạt mục tiêu thi tốt nghiệp điểm từ 8 trở lên.

**d) Môn Vật lí**

Do học sinh chỉ học 1 ca nên thời gian học rất ít, giáo viên cần chắt lọc kiến thức, dạy những gì cơ bản nhất, đưa ra các dạng bài tập phù hợp (chủ yếu ở mức nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp). Dạy kiến thức mới cần kết hợp với kiểm tra đánh giá để nắm bắt khả năng tiếp thu của học sinh.

Giáo viên cần đặt mục tiêu: đa số học sinh phải đạt yêu cầu (làm bài kiểm tra, bài thi ) đạt từ 6,5 đến 7 điểm; để nâng cao hơn nữa kết quả dạy học, giáo viên cần phân chia các nhóm học sinh và ra thêm các bài tập cho các nhóm: nhóm yếu cần ra bài tập dễ, nhóm khá cần ra bài tập nâng cao.

Giáo viên thường xuyên cho học sinh làm bài kiểm tra với cấu trúc đề sát với đề thi chính thức để học sinh rèn thêm kĩ năng làm bài, làm chủ thời gian.

**đ) Môn Hóa học**

Để nâng cao điểm trung bình khi thi tốt nghiệp môn Hoá học, cần chú trọng nhóm dưới nhiều hơn bằng cách dạy phân hoá: chỉ dạy đến dạng bài 8đ, rồi cho làm đi làm lại nhiều lần các đề dễ. Môn Hoá học cần kiểm tra tên gọi (hữu cơ) và tính chất hoá học thật nhiều cho nhóm này, không nhớ yêu cầu chép và học thuộc. Những chương quan trong có thể phải dạy đi, dạy lại 2 đến 3 lần, và dành được nhiều thời gian luyện đề tổng hợp.

**e) Môn Sinh học**

Để nâng cao điểm trung bình thi tốt nghiệp môn Sinh học, cần chú trọng dạy những phần nội dung dễ thuộc phần nhận biết, thông hiểu, rồi cho làm đi làm lại nhiều lần các đề dễ. Những phần quan trong có thể phải dạy đi, dạy lại và cố gắng dành nhiều thời gian luyện đề tổng hợp.

**g) Môn Lịch sử**

*Thứ nhất,* giáo viên cần phải căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, kế hoạch ôn thi của nhà trường, tổ chuyên môn, cấu trúc đề thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo giáo viên xây dựng riêng cho mình một kế hoạch giảng dạy và ôn tập cụ thể, chi tiết đến từng chủ đề, chuyên đề và sát đối tượng. Mỗi chuyên đề phải có phần lý thuyết và bài tập. Phần lý thuyết nên hệ thống lại những kiến thức cơ bản, trọng tâm. Phần bài tập nên phân dạng và theo mức độ từ dễ đến khó phù hợp với từng đối tượng học sinh. Tăng dần các bài tập mở, gần gũi với thực tế đời sống.

*Thứ hai*, Giáo viên nên chú trọng đến việc dạy kiến thức cơ bản cho học sinh, tập trung vào những yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục cấp THPT, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 12, quan tâm việc giúp học sinh nâng cao các mức độ thông hiểu, vận dụng. Hướng dẫn học sinh phương pháp làm bài thi; rèn kỹ năng cách làm nhanh và nhận diện dạng bài tốt để khi gặp các dạng đề có thể xử lý nhanh nhất. Đơn cử như: xác định từ khóa của bài, câu dễ làm trước, khó làm sau, phân tích để loại trừ đáp án sai...

*Thứ ba,* Trong quá trình giảng dạy và tổ chức ôn tập, GV có thể phân nhóm học sinh theo trình độ, giao nhiệm vụ phù hợp với nhóm đó. Sau mỗi chuyên đề cần có các bài kiểm tra ngắn để đánh giá mức độ đạt được của học sinh; từ đó có hướng điều chỉnh hợp lý. Cuối đợt ôn nên có bài kiểm tra tổng hợp nhằm đánh giá được khả năng thực của học sinh.

*Thứ tư*, Giáo viên cần tích cực, mạnh dạn đổi mới các phương pháp dạy học. Mỗi lần thay đổi PPDH là một lần giáo viên đã tạo ra “cái mới”, tạo sự trải nghiệm và hứng thú học tập cho học sinh.

**h) Môn Địa lí**

Giáo viên dạy theo chuyên đề ngắn gọn, hết một chuyên đề thì làm câu hỏi trắc nghiệm và bài kiểm tra. Trong quá trình dạy từng bài phải gắn với kĩ năng địa lí nếu bài đó có.

Kiểm tra thường xuyên học sinh đầu giờ về cách học và ghi chép bài theo hình thức trắc nghiệm. Trong khi dạy hay nhắc từ khóa xuất hiện trong đề thi cho học sinh nhớ.

Cần phân loại học sinh để có biện pháp kịp thời đối với từng đối tượng học sinh, chú ý học sinh yếu kém để tập trung vào câu hỏi mang tính nhận biết.

Giáo viên cần có tư liệu câu hỏi và đề nhiều cho học sinh rèn đi rèn lại; sử dụng phần mềm kiểm tra SHUB, nhà trường hỗ trợ cho giáo viên ôn thi tốt nghiệp thì tốt, đa số giáo viên bỏ tiền túi ra mua khoảng 649.000đ/năm học.

**i) Môn GDCD**

Tăng cường dậy chính khóa và ôn tập để có thời gian luyện đề; khen thưởng cho học sinh đạt điểm cao trong các kỳ thi thử và thi thật để tạo động lực cho học sinh.

**3. Kế hoạch ôn tập**

**a) Chương trình**

**Lớp 12H1**

Mỗi tuần học 3 buổi chiều: 0,5 Toán; 0,5 Vật lí; 0,5 Hóa học; 0,5 Sinh học; 0,5 Ngữ văn và 0,5 Tiếng anh.

Thời lượng học 8 tuần, chia làm 4 nhịp TKB, mỗi nhịp 2 tuần.

**12H2,3,4,5,6**

Mỗi tuần học 3 buổi chiều: 0.5 Toán; 0.5 Ngữ văn; 0.5 Tiếng anh; 0.5 Lịch sử; 0.5 Địa lí và 0.5 GDCD.

Thời lượng học 8 tuần, chia làm 4 nhịp TKB, mỗi nhịp 2 tuần.

**b) Thời khóa biểu**

**Nhịp 1, 3**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **12H1** | **12H2** | **12H3** | **12H4** | **12H5** | **12H6** |
| **Thứ 2** | Toán-Huy | Toán-Hùng |  | Toán-Hậu | Sử-Minh | GD-Lan |
| **Thứ 3** |  |  | Toán-Tứ | Văn-Huệ |  | Sử-Hằng |
| **Thứ 4** | Lí-Ky | Văn-Đô | Văn-Vân |  | Địa-Quý |  |
| **Thứ 5** | Hóa-Quỳnh |  |  | Anh-Trang | GD-Viết | Địa-Quý |
| **Thứ 6** |  | Anh-Phương | Anh-Trang |  |  |  |

**Nhịp 2, 4**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **12H1** | **12H2** | **12H3** | **12H4** | **12H5** | **12H6** |
| **Thứ 2** |  |  | Sử-Hằng | Địa-Quý | Anh-Phương | Văn-Yến |
| **Thứ 3** | Văn-Yến | Sử-Hằng |  | GD-Viết | Toán-Hậu |  |
| **Thứ 4** | Anh-Phương | GD-Viết | Địa-Quý |  |  | Anh-Đ.Hà |
| **Thứ 5** |  |  | GD-Viết | Sử-Hằng | Văn-Đô |  |
| **Thứ 6** | Sinh-Duyên | Địa-Quý |  |  |  | Toán-Hùng |

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên giàu kinh nghiệm giảng dạy trong việc xây dựng hệ thống chuyên đề ôn tập, ngân hàng câu hỏi phù hợp từng nhóm đối tượng để triển khai thực hiện chung trong toàn tỉnh.

Tăng cường khảo sát trực tuyến và trực tiếp (thi thử) toàn tỉnh. Tích cực sử dụng các phần mềm thi trực tuyến (miễn phí) từ đó phân tích, thống kê, đánh giá kết quả.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:* - Sở GDĐT; (b/c)- Lưu: VT. | **KT. HIỆU TRƯỞNG****PHÓ HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Trung** |